

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2023

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nghiêm Công C, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn 5, xã P.L, huyện N.Q, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn 5, xã P.L, huyện N.Q, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L.H, xã P.M, huyện P.Lg, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Nghiêm Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện N.Q, tỉnh Ninh Bình vào tháng 05 năm 2014. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn 5 xã P.L, huyện N.Q. Thời gian đầu chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận. Đến tháng 5 năm 2015 vợ chồng cùng nhau đi làm ăn xa, cùng nuôi con nhỏ. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến năm 2019 vợ chồng có bàn bạc và thống nhất để chị T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản để kiếm thêm thu nhập, năm 2020 anh C cũng đi Nhật Bản để lao động xuất khẩu. Do đặc thù công việc khác nhau nên vợ chồng mỗi người ở một nơi. Dần dần do khác biệt lối sống, tính cách không hợp làm cho vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không tìm được biện pháp gì để hàn gắn níu kéo cuộc sống chung và vợ chồng thống nhất để giải thoát cho nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nghiêm Yến N, sinh ngày 17/3/2014. Hiện nay do anh đang ở nước ngoài nên anh nhất trí để chị T được nuôi con chung. Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Võ Thị T tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, bị đơn chị Võ Thị T trình bày quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nghiêm Công C được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống cùng nhau và cùng chăm con nhỏ. Đến năm 2018 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Đến năm 2019 chị đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, sau đó năm 2020 anh C cũng sang Nhật Bản để làm việc. Tuy nhiên vợ chồng mỗi người ở một nơi, anh C cũng không quan tâm và liên lạc cho chị. Đến năm 2021 chị trở về Việt Nam để được chăm sóc con, đầu năm 2022 chị và anh C có trao đổi và thống nhất thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nghiêm Yến N, sinh ngày 17/3/2014. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị tại xóm L.H, xã P.M, huyện P.Lg, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị được tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam

hiện đang ở Nhật Bản, đơn xin ly hôn và tài liệu gửi kèm đơn có xác nhận của Đại Sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản.

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn hiện đang ở nước ngoài, có địa chỉ cụ thể, không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng được. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.2] Nguyên đơn đã gửi đầy đủ các văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án cho của Tòa án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Nghiêm Công C và chị Võ Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện N.Q, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh C khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn 5 xã P.L, huyện N.Q. Thời gian đầu chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận. Đến tháng 5 năm 2015 vợ chồng cùng nhau đi làm ăn xa, cùng nuôi con nhỏ. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến năm 2019 vợ chồng có bàn bạc và thống nhất để chị T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản để kiếm thêm thu nhập, năm 2020 anh C cũng đi Nhật Bản để lao động xuất khẩu. Do đặc thù công việc khác nhau nên vợ chồng mỗi người ở một nơi. Dần dần do khác biệt lối sống, tính cách không hợp làm cho vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không tìm được biện pháp gì để hàn gắn níu kéo cuộc sống chung và vợ chồng thống nhất để giải thoát cho nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống. Về phía bị đơn chị T cũng có bản tự khai thể hiện quan điểm xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về việc anh C xin ly hôn chị T nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã thực sự trầm trọng, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm và thương yêu nhau, cũng không ai có ý muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này. Mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn với chị T là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nghiêm Yến N, sinh ngày 17/3/2014. Khi ly hôn do anh C đang ở nước ngoài nên anh C nhất trí để chị T được nuôi con chung. Tại bản tự khai của chị T, chị T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung vì cháu hiện đang ở cùng chị. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và điều kiện tốt nhất của con trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là Nghiêm Yến N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu N tại bản tự khai ngày

01/12/2022, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Chị T cũng không đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị T; Giao cháu Nghiêm Yến N, sinh ngày 17/3/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C vì chị T không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nghiêm Công C. Anh Nghiêm Công C được ly hôn với chị Võ Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nghiêm Yến N, sinh ngày 17/3/2014 cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ

18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C do chị T không yêu cầu.

Anh Nghiêm Công C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nghiêm Công C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000194 ngày 11/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh C được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã P.L, N.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy